

I

Xóm cũ làng xưa

Chiếc ô tô con đưa chúng tôi từ Thành phố Hồ Chí Minh về Tiền Giang, lao đi khá nhanh trên quốc lộ 4. Còn cách thành phố tỉnh lỵ 5 ki-lô-mét, xe bắt đầu hãm phanh từ từ, rẽ qua ngã ba Trung Lương, hướng về quê tôi.

Tự nhiên tôi cảm thấy tim mình bắt đầu đập mạnh. Từ Thành phố Hồ Chí Minh xuống Long An, Khánh Hậu, Tân Hương, Tân Lý Tây, Tân Hiệp, Lương Phú, Bến Chùa... tôi vẫn giữ được vẻ bình thản, mặc dù bên trong lòng rất nôn nao. Giấy lát nữa thôi, tôi sẽ lại về đến quê hương, sau 42 năm trời xa cách – nếu tính từ ngày đầu tiên tôi rời khỏi xã, bước vào cuộc đời hoạt động cách mạng.

Anh Tám Cảnh – vốn là đồng chí mà cũng là anh ruột tôi – mừng vui hơn hờ ra mặt, cứ nhấp nhồm nhìn suốt hai bên đường.

Đó là một ngày giữa tháng 6 năm 1975 – sau Đại thắng – ta đã giải phóng Sài Gòn và toàn bộ các tỉnh phía Nam.

Từ Hà Nội chúng tôi đi máy bay về Sài Gòn. Chị Nguyễn Thị Định và các chị trong Hội Phụ nữ giải phóng Sài Gòn đón chúng tôi về nghỉ ở nhà khách của Hội. Lẽ ra tôi còn ở lại Thành phố Hồ Chí Minh một vài hôm, thăm các chị các anh và bạn bè đồng chí thân quen, mà từ sau Hiệp định Giơ-ne-vơ, tập kết ra Bắc đến giờ tôi không có dịp gặp. Bởi anh Tám tôi nóng lòng sốt ruột muốn về, nên hôm sau tôi phải đưa anh về, nhân thể cùng về luôn một chuyến. Tôi lại gặp cô Hồng Châu trong số chị em cán bộ ngày trước, đang ở đây. Hồng Châu vốn là một nữ sinh từng theo tôi công tác vào Nam ra Bắc từ những ngày đầu kháng chiến chống Pháp, quê cũng gần nhà tôi, nên tôi rủ Hồng Châu cùng đi.

Xe lướt như ru trong ánh nắng ban mai rực rỡ của một ngày đầu hè gió lộng. Từ hai bên mặt ruộng, từ trong những khu vườn ổi, vườn mận hồng đào, không biết cơ man nào là chuồn chuồn bay ra. Chuồn chuồn vàng, chuồn chuồn ớt, chuồn chuồn trâu... và những con ruồi xanh chao đi chao lại, là là bay trên mặt đường, tưởng chừng như vấp cả vào kính chắn, nhưng khi ô tô vút tới, chúng nhẹ nhàng cất lên rồi lại nhẹ nhàng hạ xuống phía sau, tựa hồ chúng nhường đường cho xe đi, tựa hồ như chẳng có chuyện gì xảy ra. Tôi bỗng nhớ lại ngày bé, tôi thường cùng các bạn nhỏ chơi trò đồ, bắt chuồn chuồn. “Chuồn chuồn có cánh thì bay, coi chừng có đứa thò tay bắt mày!” Nhiều lúc tôi nén thở, rón bước nhẹ đến gần, nhưng khi hai ngón tay nhỏ xíu vừa mở ra chưa kịp kẹp đuôi nó thì cũng vừa đúng lúc con chuồn chuồn tức khắc bay lên. Bộ nó nghe được tiếng reo hò náo động của lũ

bạn tôi hay sao chứ? Nó bay một vòng, lại về đậu đúng chỗ cũ, khi cơn nguy hiểm đã qua rồi. Thật đáng buồn cười.

Khi lớn lên, bước vào hoạt động cách mạng, lần đầu tiên tôi thoát li khỏi xã, lên Sài Gòn đổi vùng hoạt động, cũng vì đã bị lộ, đứng trước nguy cơ sắp bị bắt. Sau đó mấy năm, tôi lại tựa như con chuồn chuồn “bay về, đậu vào chỗ cũ”. Không phải tôi không thể hoạt động xa hơn, nhưng tình cảm gắn bó với làng xưa xóm cũ đã khiến tôi quay trở về. Trở về lần này, thăm qua làng cũ, những vòng bay kế tiếp của tôi chắc còn phải trải nhiều năm...

Từ khi còn trên máy bay, nhìn xuống Sài Gòn tôi đã thấy khác lạ rồi. Thật giống như một thành phố xa lạ, nhà cửa lộ nhô chen chúc, ngất ngểu những ngôi nhà cao tầng. Còn đường phố thì ô tồ, xe máy cứ chen chúc lao đi như mắc cửi. Khó mà nhận ra đâu là dáng dấp thân quen của một thành phố ngày xưa tôi đã “đi vô sản hóa” với anh chị em để thâm nhập vào giai cấp công nhân. Từ làng quê, lần đầu tiên tôi đã ra đi, tới đây bằng tàu hỏa. Giờ đây trở về, tàu hỏa Sài Gòn – Mỹ Tho không còn nữa, đường sắt đã bị bóc lột. Mặt đường tráng nhựa được mở rộng ra. Xưa kia, qua khỏi Phú Lâm đã thấy ruộng đồng bát ngát. Bây giờ hai bên đường nhà cửa, tiệm quán san sát nối dọc dài xuống tới Bình Điền, Bình Chánh. Những mái nhà đứng, nhà lá nhỏ, lụp xụp cạnh chuồng trâu bên giếng nước bờ tre của bà con nông dân ngày xưa đã biến mất. Thay vào đó là những dãy nhà “mặt dựng” mái tôn, tường xi măng xanh đỏ với đủ các thứ biển quảng cáo lòe loẹt, những “cây xăng”, những trụ sở hành chính và

bót gác địch cũ... Không còn nhận ra đâu là đâu. Chỉ thấy nhà cửa và những khu vườn trồng cây ăn quả tiếp liền, vùn vụt lùi lại phía sau. Nhất là từ Lương Phú xuống Bến Chùa, Trung Lương, xanh kín những vườn xoài, vườn ổi xá lị, vườn mận hồng đào trĩu quả, những chùm quả lúc lỉu oặt cành xuống mương, rạch nước dâng đầy ăm ắp. Tôi chú ý nhìn những người đi đường, xem có gặp ai quen cũ chẳng? Nhưng tất cả đều hoàn toàn xa lạ, thậm chí từ chiếc giỏ họ xách trên tay cho đến mũ nón, cách ăn mặc của bà con thôn ấp và chị em buôn gánh bán bưng cũng khác lạ với ngày xưa.

Sắp về đến nhà sau một “vòng bay” khá xa, khá lâu, giữa ngày vui Đại thắng giải phóng toàn bộ đất nước, giữa niềm vui rạo rực sắp gặp lại những người thân, tôi bỗng thấy len len một nỗi buồn. Các đồng chí cũ đã hi sinh gần hết. Bao nhiêu mất mát, chia li mới có được ngày nay... Cầu đúc Long Định hiện ra, thành cầu cao trắng xóa như nửa mảnh xương mai rùa kia rồi. Chiếc cầu này, sau Cách mạng tháng Tám 1945, ở Côn Đảo về, Bác Tôn đã từng đứng ra chỉ huy phá nó để chặn đường tiến của giặc về Cai Lậy, Cái Bè khi chúng bắt đầu gây hấn, đánh chiếm lại Nam Bộ.

Chúng tôi gửi xe lại cho một nhà ở sát bên đường, để đi bộ về làng. Còn không đầy một ki-lô-mét nữa thôi. Tôi sưng sờ dụi mắt. Kia là làng tôi đấy ư? Trước Đại thắng mấy năm, những đồng chí được địch trao trả ở Thạch Hãn về Hà Nội đến tôi chơi, có tả cho tôi biết quang cảnh Long Hưng thế nào rồi. Sao chỉ có mấy năm mà khác lạ đến dường này? Chúng tôi còn đang hỏi thăm bà con: “Nhà con Hậu ở lối nào?” –

Hậu năm nay khoảng 40 tuổi, là con gái của anh Tám tôi – thì bỗng gặp đồng chí Sáu Danh đi tới. Anh là ủy viên quân sự tỉnh, người xóm Long Định, khoảng hơn 50 tuổi nhưng mau mắn, nhanh nhẹn như một thanh niên trẻ tráng. Thấy chúng tôi, anh mừng quá, reo lên:

– Anh Tám, chị Mười về đó à? Để tôi đưa vào!

Đâu là đường vào làng tôi? Con lộ đất đỏ ngày xưa ô tô vào được, con đường đấu tranh của dân các làng phụ cận dẫn tới miếu Long Hưng năm khởi nghĩa “bốn mươi”, chỉ còn là một bờ đất nhỏ. Những ngôi nhà khang trang xưa, đã biến mất, giờ hai bên đường mọc lúa thưa mấy túp nhà lụp xụp. Cây cối bị đốn trụi từ bao giờ, gai mắc cỡ bò tràn lan bên lối đi. Chỉ còn có mùi đất ẩm và hương rau cải trời mọc hai bên bờ ruộng rạ xông lên dưới nắng, mùi tanh tanh lạnh lạnh của những hang cua đồng, mùi tro ngai ngái đã tắt từ những lỗ hun chuột... một thứ mùi vị đặc biệt khó tả của quê hương tự những ngày thơ ấu là không thay đổi.

Đồng bào thân quen có người đã chạy về báo trước. Trong nhà, trong xóm đều biết chúng tôi về.

Anh Tám tôi không nhận ra vợ. Tôi cũng không ngờ chị ấy là người có nhan sắc xưa mà nay già quá, suy yếu như một bà lão, lưng còng hẳn xuống. Chị ôm tôi và khóc. Con Hậu thì ôm anh Tám tôi, khóc rống lên: “Ba ơi! Ba về đây... Chết hết trơn rồi... còn gì!” Xưa nay tôi chưa hề thấy anh Tám tôi khóc trừ khi ba má tôi qua đời – vậy mà bây giờ anh cũng khóc. Tôi phải quay mặt đi để mọi người khỏi trông thấy nước mắt của mình.

Bà con lối xóm đến thăm chặt nhà. Có người bán thân bất toại, cũng bắt con cháu vồng đến, nằm đấy. Ngôi nhà lá bé nhỏ không đủ chỗ đứng, ngồi, nhiều người phải vào một chốc lại ra nhường chỗ cho người đứng chờ trước sân bước vào. Bà con đến thăm đều khóc. Những giọt nước mắt của trẻ, của già, của người đi xa về gặp lại kẻ ở quê hương: xúc động, tủi, mừng cùng một lúc tuôn trào không ai cầm giữ được. Mình về xúc động, quá mừng nên hóa khóc. Người khác mừng cho gia đình mình đoàn tụ, rồi liền hệ đến hoàn cảnh của họ, từ cách mạng 30⁽¹⁾ đến nay, chồng con lần lượt ra đi không còn ai trở về, giọt nước mắt vui bỗng hóa nên dòng lệ tủi.

Ông Hai Tỵ ở xóm ngoài chống gậy đi thăm cháu ngoại để, qua ngang nhà gặp đúng lúc chúng tôi về, ông liền rẽ vào ở chơi cho đến lúc chúng tôi đi. Đã hơn tám mươi tuổi, nhưng người còn minh mẫn, vui tính. Ông ngồi chân co chân thõng bên mép phản, mặc cho nước mắt nước mũi chầm ngòam ứot cả má, cả râu ông cũng không chùi:

– Hồi nãy, con Hậu gặp ba nó... Nó trách sao ba nó bây giờ mới về... Ở nhà, chết hết trơn rồi! – Đoạn ông tăng hắng một tiếng lớn. – Chết hết sao được, con? Hồi chín năm, thằng Tây thể “triệt giống” Long Hưng rồi tới Mỹ Diệm cũng thể “làm cỏ” dân Long Hưng... Chết hết trơn? Hậu, ông hỏi con chứ ai, dân nào chen chúc chặt nhà đây chứ? – Rồi ông cười lớn, đưa cánh tay áo lên quệt ngang những giọt nước mắt còn đọng bên má.

(1) Ý nói năm 1930. (Các chú thích trong sách của Người ghi chép. Chú thích của biên tập sẽ ghi rõ - BT).

Phải, hồi năm 1950, khi bọn U.M.D.C. về đóng bót Vàm Xáng, chúng đã thể “triệt giống Long Hưng”. Tụi này toàn là lính Đạo. Đồng bào gọi chúng là bọn “Uống Máu Dân Chúng” (U.M.D.C. là tên gọi tắt bằng tiếng Pháp “Lực lượng cơ động bảo vệ công giáo”⁽¹⁾). Một bọn toàn lưu manh, côn đồ, lũ con hoang vô thừa nhận được bọn cha cố phản động nuôi dưỡng từ lúc lọt lòng. Bất kể du kích, cán bộ hay dân thường, hễ đàn ông con trai nào ở Long Hưng bị chúng bắt được, cũng đều bị chúng đánh đập tra tấn đến chết. Chúng nó tuyên bố: “Diệt cho tuyệt giống cộng sản Long Hưng! Triệt cho hết mầm mống cách mạng của chúng mày đi!” Triệt sao được chứ? Chúng há chẳng biết rằng ngọn Cờ Đỏ Sao Vàng – lá cờ vinh quang của Tổ quốc ta ngày nay – đã từng xuất hiện tại Long Hưng và cả tỉnh Mỹ Tho năm khởi nghĩa “bốn mươi”? Ngay cả trong những năm đen tối nhất, giặc dìm bà con Long Hưng và hầu khắp các tỉnh Nam Kỳ vào biển máu, lá cờ ấy vẫn được ấp ủ trong mọi trái tim người, như ngọn lửa không một sức mạnh nào có thể dập tắt. Trận giao thông chiến đấu tiên của Nam Bộ đã bắt đầu từ tỉnh Mỹ Tho, ngoài con lộ Giồng Dứa kia, đốt cháy trọn đoàn công-voa⁽²⁾ địch... Những trận Hàm Vĩ, Hậu Mỹ... Trận chống địch nhảy dù ở Gây Cờ Đen hồi “kháng chiến chín năm” của tỉnh Mỹ Tho đã vĩnh viễn đi vào lịch sử. Rồi đến sau này, đâu phải ngẫu nhiên mà bọn Mỹ và ngụy tay sai dồn lực thiết lập căn cứ “Chi khu quân Bình Đức” sát bên Long Hưng với những đoàn tàu tuần giang,

(1) Tên tiếng Pháp đầy đủ là Unités Mobiles de Défense des Chrétiens. (BT).

(2) Tiếng Pháp *convoy*: Đoàn xe. (BT).

những đại đội pháo... ngày đêm không ngớt dùng chiến thuật pháo bầy, pháo chụp, chưa ngớt rải bom đã dùng trực thăng quạt hầm bắt từng cán bộ, du kích... Chúng tính tiêu diệt cả cỏ cây chí đến con trùng con đế, hòng làm nhụt ý chí chiến đấu của những con người còn may mắn sống sót trên mảnh đất nhỏ, ngày đêm không ngớt bom cày đạn xới này. Vậy mà Mỹ Tho, lần đầu tiên ở miền Nam, đã giáng cho Mỹ ngụy một đòn xiềng liềng, lưng lẩy chiến công Ấp Bắc; Long Hưng vẫn nảy sinh, xuất hiện Lê Thị Hồng Gấm, chói lọi một nữ anh hùng.

Ai mà không sợ chết? Nhưng chúng ta cũng phải tự hỏi: “Sống như thế nào cho đáng sống?” Hồi giải phóng Vĩnh Kim lần thứ ba, lúc tháng 2 năm 1962, tôi đang ở Hà Nội, đọc tin này trên báo Thống Nhất tôi đã ngồi lặng đi. Bà con Long Hưng và các xã phụ cận Kim Sơn, Song Thuận, Thanh Phú... đã làm tiệc đãi 72 chiến sĩ quyết tử. Họ ngồi dưới hàng sầu riêng nói cười vui vẻ, trước mặt dựng đài liệt sĩ chói lọi bốn chữ vàng “Tổ quốc ghi công” nghi ngút khói hương trầm và chiếc quan tài sơn đỏ tượng trưng tinh thần “Quyết tử để Tổ quốc quyết sinh”. Các mẹ vừa bưng dọn đãi đằng vừa khóc. Tiệc chiều hôm đó, tối hôm sau xuất kích. Họ đã giải phóng Vĩnh Kim trong một cơn bão lửa dữ dội. Hi sinh mất 3 người... Tôi như hình dung thấy trên gương mặt họ nét rần rỏ của những anh hùng tráng sĩ đất Rạch Gầm thời Quang Trung, phong thái ung dung kiên cường của các đồng chí năm khởi nghĩa “bốn mươi” xem cái chết tựa lông hồng, dường như tất cả đã hóa thân vào họ. Chết hết được sao? Họ là người đương thời, hay họ là người xưa? Dĩ vãng và hiện tại hòa lẫn trên

những khuôn mặt lịch sử cùng trong một lúc, của những con người cùng thời đấy chẳng?

Đường đấu tranh ta quyết đi, dù vạn trùng khó khăn nhưng ta đã quyết đi thì cũng phải có lúc tới. Nhớ hôm nào đồng chí Tố Hữu có nói: “Ở miền Nam, nơi nào cây tươi thì người héo, nơi nào cây héo thì người tươi!” Từ trên máy bay nhìn xuống, thấy những lốm cây xanh xúm tụm mái nhà ngói đỏ... và dọc dài bên đường xe tôi đã đi qua, cây cối mượt mà giao nhau trong sắc lá xanh rờn. Đó là vùng địch tạm chiếm ngày trước. Ở những nơi đó, cây có xanh, nhưng lòng người thì héo hắt. Khác chi cá nằm trên thớt, tha hồ cho bọn chúng tác yêu tác quái, kìm kẹp khủng bố, ruồng bắt con cái họ đẩy ra chiến trường “thay màu da trên xác chết”. Và cũng không ít người, trong ngày vui chung của dân tộc hôm nay, họ không có được cái vui trọn vẹn với bà con bởi họ đã nhận ra, cũng có đôi lúc “trước miếng mồi thơm” và sức ép của Mỹ nguy, họ đã trót có ít nhiều vương phải lỗi lầm. Còn những nơi cây cối héo khô vì chất độc hóa học của máy bay ngày đêm tuôn rải xuống mịt mù, tàn hại con người và gia súc, làm cần cỗi trần trụi đất đai, nhà cửa chỉ là những túp lều tạm bợ thì lòng người lại hờn hờ tươi vui. Tinh thần lạc quan cách mạng vẫn ngời sáng trong lòng họ, từ những ngày “tổ cộng” đen tối nhất, thời Ngô Đình Diệm. Và giờ đây thì cái vui của bà con không thể còn có tươi vui nào sánh được.

Chúng tôi về, từ 9 giờ sáng đến chiều, mà ấp Long Thạnh A, chỉ mới nửa xã, bà con nườm nượp tới thăm. Ai cũng muốn kể, muốn thuật lại cho chúng tôi nghe những chuyện

đấu tranh, những diễn biến ở làng từ khi chúng tôi tập kết ra Bắc cho đến nay... chuyện ấp ngoài xóm trong, ai còn ai mất... Nhiều người thuật lại những trận mình suýt chết, vừa nói vừa làm điệu bộ và cười ran vui vẻ dường như kể chuyện thần thoại, như ai đó thì phải toi mạng, chứ đã gặp phải mình thì mình không thể nào chết được.

Xóm giềng họ hàng người đưa tới nải chuối hương, quả măng cầu xiêm, người xách con gà con vịt, người quay về xúc cá tra, cá vồ trong ao nhà mình bưng đến. Ai có món gì ngon đều mang tới, và tự vào bếp bắt tay lo việc nấu nướng. Bà con mừng vui, hớn hờ làm tiệc thết đãi chúng tôi. Tôi đã thực sự được có ngày trở lại quê xưa “nếm món cá chiên, canh chua của xứ sở” chứ nào phải chiêm bao!

Khi bà con “cụng ly” chúc sức khỏe chúng tôi, đồng chí Sáu Danh vui quá, cứ tặc lưỡi tiếc mãi:

– Tôi mà biết trước thế này, tôi bảo đem máy quay phim theo ghi lại...

Mùi hương tỏa xuống từ bàn thờ khiến tôi có cảm giác như hôm nay là một ngày giỗ. Tổ tiên ông bà và hồn người đã khuất, biết có về chứng giám cho ngày vui sum họp của bà con và chúng tôi giờ đây chẳng?

Trong các câu chuyện ban nãy, anh Tâm tôi có hỏi thăm về Gò Me. Con gò, lúc thoát trào khởi nghĩa “bốn mươi” các đồng chí ta đã dùng gươm tuần tiết ở đó để khỏi lọt vào tay địch. Cây me trên gò ngày ấy; giờ đã trở thành một cây me cổ thụ...

Tôi nhìn lên bàn thờ mà nước mắt rưng rưng. Nay cách mạng về, thì anh em đồng chí cũ đã trở thành người xưa, vắng bóng cả rồi!...

Khoảng 5 giờ chiều, nghe có vài tiếng súng nổ.

– Chị nên về Mỹ Tho hoặc Sài Gòn nghỉ... – Đồng chí Sáu Danh khẽ nói với tôi. – Đêm ở đây còn nhiều súng nổ. Bọn tan rã không ra trình diện, trốn trong hầm, mò ra kiếm ăn. Ta còn tiếp tục truy lùng... Để phòng trước vẫn hơn, chị à!

Mặt trời xuống khuất sau ngọn cây so đũa thì tôi đi. Cây so đũa mọc trên nền nhà cũ của ông nội và cha mẹ tôi, đã rụng hết lá. Những chùm trái dài rủ xuống, đóng đưa như liễu vàng, vài ba bông trắng mọc sớm có mấy con chim bạch yến từ đâu bay tới, đáp nhẹ lên cành cong. Trên nền cũ, vài miếng tán kê cột nhà lấp ló giữa đám dây leo và cây dại. Chiếc tủ kính đóng bằng gỗ giá trị⁽¹⁾, giấu trong bụi tre từ năm kháng chiến chống Pháp, đã vỡ hết kính, tre cũng gần lụi hết rồi mà chiếc tủ vẫn còn đứng nguyên vị trí. Khu vườn quanh nhà, xưa sum suê là vậy mà giờ biến thành một bãi đất hoang, lúa thừa vài túp nhà của những người mới đến ở. Bỗng nhiên tôi thấy chân mình bước chậm lại trên con kênh mới đào chống xe tăng thời đánh Mỹ, băng ngang trên mảnh ruộng của xóm nhà xưa.

Trong cơn gió chiều ngát vị phù sa sông Cửu Long miền man lứt trên đầu ruộng rạ, tôi như nghe trong tiếng sóng xa, dấy lên tiếng reo hò của quân tướng Quang Trung xông

(1) Còn có tên là báng súng hoặc tếch, một loại gỗ tứ thiết, hiếm quý. (BT).

thuyền lướt lên phá tan 10 vạn quân Xiêm ngày xưa tại quãng sông này. Và như thấy, mờ mờ hương giáp ranh làng Phước Thạnh, cây me cổ thụ vẫn gân guốc sừng sững đứng trên con gò xưa. Truyền thống đấu tranh của dân tộc ta, của Đảng ta ở đây vẫn nối tiếp liên tục từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Những năm ba mươi – bốn mươi, tiếng thét đấu tranh của nông dân đứng lên đòi quyền sống, dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, những dòng người cuộn cuộn kéo đi biểu tình đòi giảm thuế, giảm tô ở vùng này, đã gây tác động và ảnh hưởng lan tràn hầu khắp các tỉnh Nam Kỳ. Khởi nghĩa “bốn mươi” dần bị thực dân Pháp đàn áp, nhấn chìm trong biển máu, chúng hí hửng tưởng rằng ta sẽ không bao giờ còn có thể ngóc đầu dậy nổi, nhưng đến Cách mạng tháng Tám năm 1945, mình còn mang đầy thương tích, ta lại vùng lên cùng cả nước khởi nghĩa, cướp lại chính quyền. Rồi qua hai cuộc kháng chiến 9 năm chống Pháp và 21 năm chống Mỹ, bất chấp mọi gian lao, trong cả hai cuộc chiến đấu không cân sức này, Đảng ta đã dốc toàn lực trí tuệ chính trị và tài năng quân sự, quật ngã lần lượt hết Pháp đến Mỹ, người người lớp lớp gục ngã khắp các chiến trường, nhưng thế hệ này tiếp thế hệ khác, ta vẫn xông lên, quyết không để mất đi một tấc đất của tiền nhân, tiền liệt.

“Một hòn đất đỏ bao hòn máu – Một khúc cầu dây mấy khúc xương”... Hôm nay về thăm qua làng cũ, sau mấy chục năm trời xa cách – xin các bạn hãy tha thứ cho tôi – dẫu sao lòng cũng không tránh khỏi băng khuâng ngậm ngùi trước phút giây mềm yếu.